

Bản án số 63/2019/HS-ST
Ngày 05-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Long Thị Tuyết Mai.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh Long - Hiệu trưởng trường trung học cơ sở Phúc Ứng.
2. Ông Hoàng Minh Cảnh - Phó Bí thư Huyện đoàn Sơn Dương.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 và 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2019/TLST-HS, ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS, ngày 10/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 28/01/2002 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Cao Lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: học sinh; con ông: Trần Văn H, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; vợ, con, chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Đàm Văn B, sinh ngày 01/3/1991 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Cao Lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đàm Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Bùi Thị D, sinh năm 1962; có vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1984; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Anh Đàm Công T2, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn T1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).*

- *Đại diện trường Trung học phổ thông T3: Ông Cao Duy H2, sinh 1983; nghề nghiệp: Giáo viên; chức vụ: Phó Bí thư Đoàn trường, trường Trung học phổ thông T3 (địa chỉ: xã T3, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) (có mặt).*

- *Người bị hại bà Ninh Thị N1, sinh năm 1958 (đã chết); đại diện hợp pháp cho người bị hại: Anh Dương Văn C (con trai bà N1), sinh năm 1988; nghề nghiệp: Giáo viên; trú tại: Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 21 giờ ngày 04/02/2019, tại nhà Đàm Văn B, sinh năm 1991 ở thôn T1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Đàm Văn B biết rõ Trần Văn T, sinh năm 2002 (cùng thôn T1) không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Đàm Văn B đã giao xe mô tô biển kiểm soát 22K1-3901 của mình cho T để T chở B đến khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã V, huyện S chơi. T điều khiển xe mô tô trên chở B ngồi sau (cả hai không đội mũ bảo hiểm) đi từ nhà B theo hướng đường ĐT186 đi xã V, huyện S, khi đến địa phận thôn K, xã V, do T điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát, không đi đúng phần đường quy định, đã đâm vào bánh trước xe đạp do bà Ninh Thị N1, sinh năm 1958, trú tại thôn K, xã V điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả bà N1 bị ngã ra đường bị thương nặng phải đi bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang cấp cứu và điều trị. Đến ngày 05/02/2019 bà N1 chết.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 53/TT 19 ngày 25/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận nguyên nhân chết của tử thi Ninh Thị N1: Do chấn thương sọ não.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/02/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương thể hiện: Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng xã Q đi xã V, huyện S: Lòng đường rộng 3,75 m, vết 01 là vùng máu có kích thước 50x50 cm, cách mép đường trái là 1,0 m; vết 02 là vết cày trượt có chiều dài 7,30 m, rộng 01 cm, sâu 0,2 cm theo hướng xã Q đi xã V, cách mép đường trái là 20cm, cách vết 01 là 1,95m. Vị trí xảy ra tai nạn thuộc phần đường bên trái theo chiều đi của Trần Văn T.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSSD, ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố:

- Bị cáo Trần Văn T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Đàm Văn B về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

Đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T trình bày: Bị cáo T đã không may gây tai nạn để xảy ra hậu quả nghiêm trọng cho người bị hại, sau khi tai nạn xảy ra gia đình đã đến thăm hỏi và bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 120.000.000 đồng, gia đình bị hại cũng không yêu cầu gì thêm, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được hưởng án treo để bị cáo được tiếp tục đi học và cải tạo tại địa phương.

Đại diện hợp pháp của người bị hại anh Dương Văn C trình bày: Anh là con trai của người bị hại, sau khi sự việc xảy ra bị cáo T và gia đình bị cáo đã cùng lo mai táng cho người bị hại và đã bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình. Anh xác định tai nạn xảy ra là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo và bị hại, là một việc không mong muốn, về phần dân sự bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu không đề nghị gì thêm, về hành vi của cả hai bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo T có cơ hội tiếp tục học tập.

Đại diện trường Trung học phổ thông T3 trình bày, quá trình học tập và việc chấp hành nội quy của nhà trường đối với bị cáo Trần Văn T: Trước khi phạm tội bị cáo T luôn chấp hành tốt không có vi phạm gì, đề nghị HĐXX xem cho bị cáo cải tạo tại địa phương để bị cáo được tiếp tục học tập.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Bị cáo Đàm Văn B phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Văn B từ 18 (mười tám) đến 24 (hai tư) tháng Cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo T và đại diện bị hại không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xử các bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 21 giờ ngày 04/02/2019, tại nhà riêng của Đàm Văn B (sinh năm 1991) ở thôn T1, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Đàm Văn B đã giao xe mô tô biển kiểm soát 22K1-3901 của bị cáo cho Trần Văn T sinh ngày 28/01/2002 (trú cùng thôn). Khi giao xe cho T, B biết rõ T không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Sau đó T điều khiển xe mô tô trên chổ B ngồi sau đi từ nhà B theo hướng đường ĐT 186 đi xã V, huyện S, đến địa phận thôn K, xã V, do T điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát, không đi đúng phần đường quy định đã đâm vào xe đạp do bà Ninh Thị N1, sinh năm 1958, trú tại thôn K, xã V điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả bà N1 chết do chấn thương sọ não.

Các bị cáo Đàm Văn B, Trần Văn T tham gia giao thông nhưng không chấp hành quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ cụ thể là:

Bị cáo Đàm Văn B biết bị cáo Trần Văn T chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng vẫn giao xe mô tô cho bị cáo T điều khiển, vi phạm khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ:

“Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

...10. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ”.

Bị cáo Trần Văn T không có giấy phép lái xe; điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát, không đi đúng phần đường quy định vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ:

“Điều 8: Các hành vi bị nghiêm cấm:

... 9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định. ”

“Điều 9: Quy tắc chung:

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đàm Văn B đã phạm vào tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm vào quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của giao thông đường bộ, trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Do vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo Trần Văn T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 07 ngày) nên cần áp dụng

các quy định pháp luật về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo.

[2] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Đàm Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T phạm tội rất nghiêm trọng nhưng khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà Nước đối với việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù và bị cáo B từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, mức án đề nghị là trong khung hình phạt, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tuy nhiên HĐXX thấy rằng đối với bị cáo Trần Văn T khi phạm tội mới 17 tuổi 07 ngày, hiện đang là học sinh lớp 10 trung học phổ thông, bị cáo là người chưa thành niên, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Tại phiên tòa đại diện bị hại và đại diện trường Trung học phổ thông T3 đều xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, để bị cáo T có điều kiện tiếp tục học tập, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy bị cáo Trần Văn T còn trẻ đang theo học lớp 10, phạm tội là do vô ý và bị cáo có thể sửa chữa lỗi lầm, nên HĐXX cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội tiếp tục theo học, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Quá trình điều tra xác định: bị cáo Trần Văn T hiện đang là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, sống phụ thuộc vào gia đình, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đàm Văn B không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 264 Bộ luật hình sự và không khấu trừ thu nhập của bị cáo theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[6] Về vật chứng:

Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 22K1-3901, số loại WAVE, màu sơn xanh; 01 xe đạp không rõ năm sản xuất, không có nhãn mác. Ngày 25/4/2019 cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho đại diện chủ sở hữu xe đạp và trả xe mô tô cho Đàm Văn B. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về dân sự:

Các bị cáo Trần Văn T và Đàm Văn B đã bồi thường cho gia đình bị hại bà Ninh Thị N1 số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Đại diện bị hại không đề nghị gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đối với Đàm Văn B do thương tích nhẹ nên đã có đơn từ chối giám định tổn hại phần trăm sức khỏe và không đề nghị gì về phần dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt: bị cáo **Trần Văn T 03 (Ba)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/7/2019).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Văn B.

Tuyên bố: Bị cáo Đàm Văn B phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: bị cáo **Đàm Văn B** 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo Đàm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T, người đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Tuyên quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Tuyết Mai